

Bài báo nghiên cứu

CẢM XÚC TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Huỳnh Mai Trang*, Mai Hồng Đào

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: Huỳnh Mai Trang – Email: tranghm@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 07-11-2019; ngày nhận bài sửa: 21-11-2019; ngày duyệt đăng: 14-02-2020

TÓM TẮT

Cảm xúc trong học tập là những cảm xúc (CX) trực tiếp đối với hoạt động học và thành tích do học tập mang lại. Bốn CX tích cực (thích thú, hi vọng, tự hào, nhẹ nhõm) và năm CX tiêu cực (tức giận, lo lắng, xấu hổ, tuyệt vọng, chán nản) được đánh giá bằng bảng hỏi về CX trong học tập phiên bản Việt Nam (V-AEQ) được thích nghi từ The Achievement Emotional Questionnaire (AEQ). Các trải nghiệm CX của sinh viên (SV) được khảo sát trong ba loại tình huống học tập quan trọng nhất ở đại học (ĐH), đó là các CX có liên quan đến lớp học, đến việc học hoặc thi cử. Mẫu nghiên cứu là 651 SV đang học các trường ĐH phía Nam, Việt Nam. Kết quả cho thấy CX trong học tập của SV đều ở mức cao với các loại CX tích cực, mức trung bình với các loại CX tiêu cực. Riêng SV sư phạm, mức độ CX tiêu cực đều cao hơn so với SV ngoài sư phạm ở tất cả các bối cảnh học tập khác nhau.

Từ khóa: bảng hỏi; cảm xúc trong học tập; cảm xúc tích cực; cảm xúc tiêu cực; sinh viên

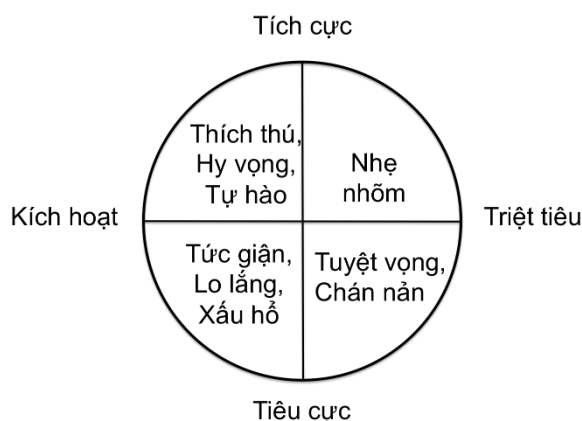
1. Giới thiệu

Trong các bối cảnh học tập khác nhau, người học trải nghiệm nhiều CX khác nhau. Pekrun (2014) đã đưa ra bốn loại CX bắt nguồn từ việc học và môi trường học tập: (1) CX thành tích (*Achievement emotions*) là những CX có liên quan đến các thành tích có được từ hoạt động học như: thích thú với hoặc tự hào khi thành công trong học tập, lo lắng hoặc xấu hổ khi thất bại. (2) CX nhận thức (*Epistemic emotions*) là những CX được gây ra bởi các vấn đề nhận thức. Chẳng hạn như: bất ngờ về một nhiệm vụ mới; tò mò, bối rối hoặc thất vọng về những trở ngại; vui sướng khi vấn đề được giải quyết. (3) CX chủ đề (*Topic emotions*) liên quan đến các chủ đề được trình bày trong bài học, tạo sự quan tâm của người học đối với các tài liệu học tập, như là thấu cảm với số phận của một nhân vật nào đó được miêu tả trong một tiểu thuyết, thích thú với một bức tranh được thảo luận trong một khóa học nghệ thuật. Và (4) CX xã hội (*Social emotions*) liên quan đến sự tương tác với người dạy và bạn học, như sự yêu mến, sự đồng cảm, lòng trắc ẩn, sự ngưỡng mộ hay sự khinh miệt, sự đố kỵ, giận dữ, lo lắng.

Cite this article as: Huỳnh Mai Trang, & Mai Hong Dao (2020). Students' achievement emotions. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(2), 321-328.

CX trong học tập trong khuôn khổ nghiên cứu này được xét ở khía cạnh những CX có liên quan trực tiếp đến hoạt động học hoặc thành tích học tập (*Achievement emotions*). Đối với hoạt động học, có các CX mang tính thúc đẩy như sự thích thú học tập của người học, trải nghiệm buồn chán trong giờ học, hoặc giận dữ với nhiệm vụ học tập. Đối với thành tích học tập, có các CX hướng đến tương lai – liên quan tương ứng với thành công và thất bại trong tương lai, như hi vọng và lo lắng; các CX quay về quá khứ – liên quan tương ứng đến thành công và thất bại đã qua, như tự hào và xấu hổ.

Theo lý thuyết của Pekrun (2002, 2006, 2007), các CX trong học tập được xem xét theo hai chiều kích: tích cực – tiêu cực và kích hoạt – triệt tiêu. Từ đó hình thành bốn nhóm CX: kích hoạt – tích cực (thích thú, hi vọng, tự hào); triệt tiêu – tích cực (nhẹ nhõm); kích hoạt – tiêu cực (tức giận, lo lắng, xấu hổ); triệt tiêu – tiêu cực (tuyệt vọng, chán nản) như minh họa ở Hình 1. Các CX này được lần lượt được khảo sát ở các bối cảnh khác nhau: CX có liên quan đến trường lớp, CX có liên quan đến việc học và CX có liên quan đến việc kiểm tra hoặc thi cử.



Hình 1. Các CX trong học tập theo Pekrun và cộng sự (2002)

Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát những CX trong học tập (xét ở chiều kích tích cực – tiêu cực) của SV trong các bối cảnh học tập khác nhau. Ngoài ra, nghiên cứu so sánh CX trong học tập xét theo ngành học cũng được thực hiện để làm rõ hơn đặc trưng CX trong học tập của SV sư phạm và SV ngoài sư phạm.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu bao gồm 651 SV ở các trường: ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), ĐH Khoa học Tự nhiên TPHCM, ĐH Thủ Dầu Một, ĐH Tiền Giang, ĐH Y dược Cần Thơ, ĐH Võ Trường Toản (khu vực miền Tây), trong đó, tỉ lệ SV sư phạm là 49,8% và SV ngoài sư phạm là 50,2%.

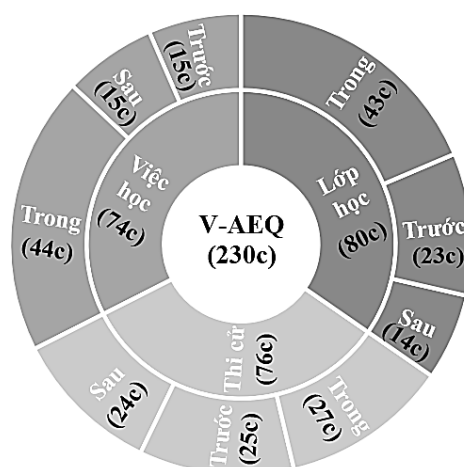
Các số liệu được thu thập tập trung trong khoảng thời gian từ giữa tháng 4/2019 đến giữa tháng 5/2019 thông qua hình thức bảng hỏi giấy và có sự tương tác trực tiếp giữa nhóm nghiên cứu và người tham gia. Bên cạnh đó, một ít số liệu cũng được thu thập thông

qua bảng hỏi online (1,54% trên tổng số mẫu) trong khoảng thời gian cuối tháng 5. Đây là giai đoạn SV đang theo học các môn và chưa diễn ra các kì thi cuối kì tại các trường được khảo sát.

Người trả lời nhận được một bảng câu hỏi và một bảng trả lời. Họ đọc các mục hỏi, nhớ lại các tình huống thường xảy ra có liên quan đến trường lớp, học hành và kiểm tra – thi cử mà họ đã trải qua và đánh dấu vào bảng trả lời. Trước khi trả lời bảng hỏi, các SV này đều xác nhận sự đồng thuận tham gia nghiên cứu. Người tham gia nghiên cứu cũng được khuyến khích trả lời bảng hỏi bằng cơ hội bốc thăm trúng thưởng ở cuối buổi khảo sát.

2.2. Công cụ nghiên cứu

CX trong học tập được đo lường từ *Bảng hỏi CX trong học tập* phiên bản Việt Nam – V-AEQ (Huynh et al., 2019). Đây là một bộ công cụ tự báo cáo đa chiều, được thích nghi từ The Achievement Emotions Questionnaire (AEQ) của nhóm tác giả Pekrun, Goetz, Frenzel, Barchfeld, & Perry (2002). Sau khi thích nghi, V-AEQ bao gồm 230 câu (phiên bản tiếng Anh là 232 câu) được phân bổ trong 3 tiểu thang đo: *CX liên quan đến Lớp học*, *CX liên quan đến Việc học* (cùng đo lường 8 CX: thích thú, hi vọng, tự hào, giận dữ, lo lắng, xấu hổ, tuyệt vọng, buồn chán); và *CX liên quan đến Thi cử* (đo lường 8 CX là thích thú, hi vọng, tự hào, nhẹ nhõm, giận dữ, lo lắng, xấu hổ, tuyệt vọng). Mỗi tiểu thang đo đều được xem xét trong các thời điểm trước, trong và sau hoạt động gắn liền với nó, được minh họa ở Hình 2.



Hình 2. Cấu trúc Bảng hỏi CX trong học tập phiên bản Việt Nam

Chỉ số Cronbach's Alpha của các loại CX xét trong các bối cảnh học tập khác nhau (lớp học, việc học và thi cử) đều trên 0,7, chỉ có thang đo CX tự hào đối với việc học là 0,68. Có 12 trên 24 thang đo có Chỉ số Cronbach's Alpha trên 0,8 (Bảng 1). Nhìn chung, các chỉ số này cho thấy V-AEQ hoàn toàn có thể sử dụng được.

Bảng 1. Hệ số tin cậy của các thang đo CX trong học tập (N=651)

	CX_Lớp học		CX_Việc học		CX_Thi cử	
	Số câu	α	Số câu	α	Số câu	α
Thích thú	10	0,807	10	0,764	10	0,746
Hi vọng	8	0,743	6	0,748	8	0,779
Tự hào	9	0,779	5	0,681	10	0,819
Giận dữ	9	0,776	9		10	0,780
Lo lắng	12	0,780	11	0,780	12	0,825
Xấu hổ	11	0,825	11	0,817	10	0,821
Tuyệt vọng	10	0,836	11	0,863	11	0,881
Buồn chán	11	0,880	11	0,901		
Nhẹ nhõm					5	0,744

Câu trả lời được ghi nhận theo thang Likert 5 mức độ: từ Rất không đồng ý (1) đến Rất đồng ý (5). Theo đó, điểm trung bình (ĐTB) được diễn giải như sau:

- Từ 1,00 đến 1,80: mức đồng ý rất thấp;
- Từ 1,81 đến 2,60: mức đồng ý thấp;
- Từ 2,61 đến 3,40: mức đồng ý trung bình;
- Từ 3,41 đến 4,20: mức đồng ý cao;
- Từ 4,21 đến 5,00: mức đồng ý rất cao.

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Phân tích phương sai với biến lập (các CX) được sử dụng để so sánh các CX, loại CX (tích cực và tiêu cực) theo ngành học của SV (sư phạm và ngoài sư phạm). ĐTB và độ lệch chuẩn của từng CX cũng như kết quả kiểm nghiệm sẽ lần lượt được trình bày theo các bối cảnh của hoạt động học tập: CX đối với lớp học, CX đối với việc học, CX đối với thi cử.

3.1. Cảm xúc đối với lớp học của sinh viên (xem Bảng 2)

Bảng 2. ĐTB (độ lệch chuẩn) của các CX đối với lớp học của SV xét theo ngành học

		Sư phạm	Ngoài sư phạm
Tích cực	Thích thú	3,6 (0,54)	3,6 (0,52)
	Hi vọng	3,7 (0,54)	3,8 (0,50)
	Tự hào	3,8 (0,57)	3,7 (0,51)
		p = 0,358	
Tiêu cực	Giận dữ	2,5 (0,63)	2,4 (0,63)
	Lo lắng	2,8 (0,55)	2,5 (0,52)
	Xấu hổ	2,9 (0,65)	2,7 (0,61)
	Tuyệt vọng	2,3 (0,66)	2,2 (0,62)
	Buồn chán	3,1 (0,72)	2,9 (0,69)
		p = 0,000	

Bảng 2 cho thấy các CX tích cực của SV đối với lớp học có ĐTB đạt mức cao (nhất là CX tự hào) và không có sự khác biệt giữa SV sư phạm và ngoài sư phạm [$F(1,649 < 1]$]. Còn CX tiêu cực có ĐTB từ mức thấp (CX tuyệt vọng) đến mức trung bình (CX buồn chán), SV sư phạm có ĐTB cao hơn so với SV ngoài sư phạm [$F(1,649) = 14,9; p < 0,001$]. Như vậy, đối với việc đến lớp, SV sư phạm có CX tích cực ở mức cao (3,7) so với CX tiêu cực ở mức trung bình (2,7), tuy nhiên CX tiêu cực này lại cao hơn so với nhóm SV ngoài sư phạm ở mức thấp (2,5).

3.2. Cảm xúc về việc học của sinh viên

Bảng 3. ĐTB (độ lệch chuẩn) của các CX đối với việc học của SV xét theo ngành học

		Sư phạm	Ngoài sư phạm
Tích cực	Thích thú	3,7 (0,50)	3,7 (0,49)
	Hi vọng	3,6 (0,58)	3,6 (0,54)
	Tự hào	3,5 (0,60)	3,5 (0,56)
$p = 0,146$			
Tiêu cực	Giận dữ	2,5 (0,70)	2,4 (0,66)
	Lo lắng	3,1 (0,55)	2,9 (0,54)
	Xấu hổ	3,2 (0,62)	3,0 (0,63)
	Tuyệt vọng	2,7 (0,71)	2,6 (0,67)
	Buồn chán	2,9 (0,76)	2,9 (0,73)
$p = 0,004$			

Tương tự như trên, Bảng 3 cho thấy các CX tích cực của SV đối với việc học có ĐTB đạt mức cao (nhất là CX thích thú) và không có sự khác biệt giữa SV sư phạm và ngoài sư phạm về CX loại này [$F(1,649) = 2,1; p = 0,146$]. Còn CX tiêu cực có ĐTB từ mức thấp (CX giận dữ) đến mức vừa phải (CX xấu hổ), SV sư phạm có ĐTB cao hơn so với SV ngoài sư phạm [$F(1,649) = 8,2; p = 0,004$]. Nhìn chung, đối với việc học, SV sư phạm có CX tích cực ở mức cao (3,6) so với CX tiêu cực ở mức trung bình (2,9), tuy nhiên CX tiêu cực này lại cao hơn so với nhóm SV ngoài sư phạm (2,8).

3.3. Cảm xúc đối với việc thi cử của sinh viên (xem Bảng 4)

Bảng 4. ĐTB (độ lệch chuẩn) của các CX về việc thi cử của SV xét theo ngành học

		Sư phạm	Ngoài sư phạm
Tích cực	Thích thú	3,2 (0,54)	3,2 (0,52)
	Hi vọng	3,5 (0,58)	3,5 (0,54)
	Tự hào	3,3 (0,57)	3,3 (0,59)
	Nhẹ nhõm	3,9 (0,63)	3,9 (0,61)
$p = 0,8$			
Tiêu cực	Giận dữ	2,8 (0,59)	2,7 (0,60)
	Lo lắng	3,3 (0,61)	3,1 (0,61)
	Xấu hổ	3,0 (0,66)	2,9 (0,63)
	Tuyệt vọng	2,6 (0,72)	2,4 (0,62)
$p = 0,000$			

Các CX tích cực của SV đối với việc thi cử có ĐTB đạt mức vừa phải (*thích thú, tự hào*) đến cao (*hi vọng, nhẹ nhõm*) và không có sự khác biệt giữa SV sư phạm và ngoài sư phạm [$F(1,649) < 1$]. Còn các CX tiêu cực đều có ĐTB ở mức vừa phải và đều cao hơn so với SV ngoài sư phạm [$F(1,649) = 14,8; p < 0,001$]. Như vậy, đối với việc thi cử, SV sư phạm có CX tích cực ở mức cao (3,5) so với CX tiêu cực ở mức trung bình (2,9), tuy nhiên CX tiêu cực này cũng cao hơn so với nhóm SV ngoài sư phạm (2,8) (Bảng 4).

3.4. So sánh loại cảm xúc trong học tập ở các bối cảnh khác nhau của sinh viên

Câu hỏi đặt ra tiếp theo là CX của SV như thế nào trong các bối cảnh học tập khác nhau. Phân tích phương sai được thực hiện với biến lập là CX được phân loại (tích cực và tiêu cực) trong các bối cảnh học tập khác nhau (lớp học, việc học và thi cử). Kết quả cho thấy CX của SV khác nhau trong các bối cảnh khác nhau [$F(2,1298) = 20,2; p < 0,001$], và có sự tương tác rõ rệt giữa bối cảnh học tập và các loại CX [$F(2,1298) = 271,4; p < 0,001$], có nghĩa là có sự khác biệt CX trong các bối cảnh học tập khác nhau, và sự khác biệt này không nhất quán ở các loại CX khác nhau. Cụ thể là CX tích cực cao nhất ở bối cảnh lớp học (3,7), kế đến là việc học (3,6) và sau cùng là việc thi cử (3,5); còn CX tiêu cực thấp nhất ở bối cảnh lớp học (2,6), rồi đến lớp học và việc thi cử (2,8). Có thể nói SV thích thú với việc đến trường nhiều hơn là với việc nghe giảng, nghiên cứu tài liệu hoặc kiểm tra thi cử (xem Bảng 5).

Bảng 5. ĐTB (độ lệch chuẩn) các loại CX trong học tập của SV xét theo chiều kích tích cực – tiêu cực

	Tích cực	Tiêu cực
CX_Lớp học	3,7 (0,46)	2,6 (0,53)
CX_Việc học	3,6 (0,48)	2,8 (0,57)
CX_Thi cử	3,5 (0,43)	2,8 (0,54)

3.5. Bàn luận

Mục tiêu của nghiên cứu này là khảo sát những CX trong học tập (xét ở chiều kích tích cực – tiêu cực) của SV trong các bối cảnh học tập khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy SV có CX tích cực mạnh mẽ hơn so với CX tiêu cực. Xét riêng mảng CX tiêu cực, mặc dù chỉ ở mức độ trung bình nhưng điểm số của SV sư phạm luôn cao hơn so với SV ngoài sư phạm (*lo lắng* hơn, *xấu hổ* hơn, *giận dữ* hơn) ở tất cả các bối cảnh học tập. Ở nhóm CX đối với lớp học, các CX tiêu cực của SV đều được quan sát thấy ở tính chất thúc đẩy (như *lo lắng*, *xấu hổ*) lẫn tính chất triệt tiêu (*tuyệt vọng*, *buồn chán*). Tuy nhiên, khi vào việc học và thi cử thì tính chất thúc đẩy được ghi nhận có xu hướng cao hơn so với tính chất triệt tiêu. Đặc biệt là CX *tuyệt vọng* đều ở mức thấp. Điều này gợi ra một giả thuyết về sự quan tâm đối với việc học tập và thành tích học tập của SV sư phạm có vẻ cao hơn so với SV ngoài sư phạm.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xác nhận được tương quan rất cao giữa nghiên cứu này với nghiên cứu của Pekrun và cộng sự (2002). Kết quả so sánh còn ghi nhận được ĐTB ở các

loại CX của SV Việt Nam đều cao hơn so với SV Đức. Điều này cũng thống nhất với kết quả nghiên cứu của chúng tôi trước đó (Huỳnh & Mai, 2018). Giả thuyết đặt ra là có thể do SV Việt Nam có xu hướng tự đánh giá mức độ CX cao hơn so với SV Đức hoặc cũng có thể SV Việt Nam có CX trong học tập mạnh hơn so với SV Đức. Cần phải có những nghiên cứu tiếp theo để kiểm chứng các giả thuyết này.

4. Kết luận

SV có CX tích cực rõ nét trong học tập, các CX tích cực đều ở mức cao, họ tự hào khi đến trường học, thích thú với việc học và đầy hi vọng trong kiểm tra – thi cử. Đây là những CX có tính chất thúc đẩy, tạo động lực lớn cho người học. Và xét ở bối cảnh học tập thì việc đến trường mang lại cho SV CX tích cực mạnh nhất. Còn các CX tiêu cực trong học tập của SV đều ở mức trung bình, trong đó, các CX có tính thúc đẩy thì được thể hiện rõ hơn khi SV đối mặt với việc học và kiểm tra thi cử. Điểm đáng ghi nhận ở đây là mức độ các CX tiêu cực ở SV sư phạm đều cao hơn so với SV ngoài sư phạm ở tất cả các bối cảnh học tập khác nhau.

- ❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.
- ❖ **Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ một Đề tài cấp trường, xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ kinh phí của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn tác giả Reinhard Pekrun đã cho phép chúng tôi sử dụng thang đo AEQ phiên bản tiếng Anh cũng như cung cấp tài liệu để chúng tôi có thể thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Huỳnh Mai Trang, & Mai Hong Dao (2018). Test-related emotions of students – a pilot study in Ho Chi Minh City [Cam xuc cua nguoi hoc doi voi kiem tra va thi cu – Nghien cuu so bo tai mot so truong o Thanh pho Ho Chi Minh]. *The sixth international conference on school psychology: The role of school psychology in promoting well-being of students and families*, (255-262). Hanoi: Ha Noi National University of Education (ISBN: 978-604-54-4471-9).
- Pekrun, R., Goetz, T., Titz, W., & Perry, R. P. (2002). Academic emotions in students' self-regulated learning and achievement: A program of quantitative and qualitative research. *Educational Psychologist*, 37, 91-106.
- Pekrun, R. (2006). The control-value theory of achievement emotions: Assumptions, corollaries, and implications for educational research and practice. *Educational Psychology Review*, 18, 315-341.
- Pekrun, R., Frenzel, A. C., Goetz, T., & Perry, R. P. (2007). The control-value theory of achievement emotions: An integrative approach to emotions in education. In p. A. Schuts & R. Pekrun (Eds). *Emotions in education*, 13-36. San Diego: Academic Press.
- Pekrun, R. (2014). *Emotions and learning*. Retrieved from Educational Practices Series: <http://www.ibe.unesco.org>

STUDENTS' ACHIEVEMENT EMOTIONS

Huynh Mai Trang^{}, Mai Hong Dao*

Ho Chi Minh City University of Education

Corresponding author: Huynh Mai Trang – Email: tranghm@hcmue.edu.vn

Received: November 07, 2019; Revised: November 27, 2019; Accepted: February 14, 2020

ABSTRACT

Achievement emotions are defined as emotions which are directly linked to achievement activities or achievement outcomes. Four positive emotions (enjoyment, hope, pride, and relief) and five negative emotions (anger, anxiety, hopelessness, shame, and boredom) are assessed by using The Achievement Emotional Questionnaire, Vietnamese version (V-AEQ), adapted from The Achievement Emotional Questionnaire (AEQ). Students' emotional experiences were studied in the three most important types of achievement situations at university (class-related, learning-related, and test-related emotions). The sample was 651 students in southern universities, Vietnam. The results show that students have high positive emotions, moderate negative emotions, and higher levels of negative emotions among student teachers compared to other students in all types of achievement situations.

Keywords: questionnaire; achievement emotions; positive emotions; negative emotions; students